

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 56/2024/DS-GĐT

Ngày 17-7-2024

V/v “*Tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
tham gia xét xử gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường và ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty TNHH N; địa chỉ: Tầng A, số nhà B T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà **Lê Thị Ngọc B** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/10/2021): bà **Ngô Thị T** và bà **Lê Thị Phương H** - Nhân viên Văn phòng Công ty.

2. Bị đơn:

Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: số C H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/9/2020):

Ông **Hồ Quang V** và ông **Bùi Thanh L** - Cán bộ Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần H2; địa chỉ: thôn A, xã A, huyện H, Thành phố Hà Nội.

3.2. Công ty Cổ Phần B1; địa chỉ: số C T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn Công ty TNHH N1 trình bày:

Công ty TNHH N (sau đây viết tắt là Công ty N) là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 1179KD/QĐ-CCTHADS ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội đối với người bị thi hành án là Công ty Cổ phần H2. Theo quyết định thi hành án thì Công ty Cổ phần H2 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty N tổng số tiền là 28.985.360.976 đồng.

Ngày 25/12/2019 và ngày 07/01/2020, Công ty N đã nộp Đơn đề nghị xác minh điều kiện thi hành án đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức để tiến hành xác minh thông tin tài sản của Công ty Cổ phần H2.

Ngày 17/01/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức tiến hành xác minh trực tiếp tại Ngân hàng B2 - Chi nhánh P (sau đây viết tắt là B2) và tại thời điểm xác minh thì số dư trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 là 21.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, B2 đã không phối hợp cung cấp thông tin, không cung cấp số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2. Tại Biên bản xác minh điều kiện thi hành án vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, B2 đã cam kết sẽ xin ý kiến của Hội sở và trả lời bằng văn bản cho Cơ quan thi hành án, nhưng sau đó B2 vẫn không có bất kỳ văn bản trả lời nào liên quan đến số dư và việc khấu trừ tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 theo yêu cầu của Cơ quan thi hành án tại Biên bản làm việc ngày 17/01/2020.

Ngày 11/5/2020, Công ty N nhận được thông tin Công ty Cổ phần H2 được nhận khoản thanh toán là 3.900.000.000 đồng từ Cục Q1 (địa chỉ: số A L, quận H, thành phố Đà Nẵng) từ Dự án thi công đoạn Km 947 - K - V - Quảng Nam vào tài khoản số 59010000000676 (VND) tại B2, do đó Công ty N tiếp tục có Đơn đề nghị Cơ quan thi hành án thực hiện xác minh số dư phong tỏa tài khoản và thực hiện khấu trừ tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 để giải quyết thi hành án.

Ngày 12/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã ra Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản số 22/QĐ-CCTHADS. Tại Điều 1 của quyết định nêu trên, Cơ quan thi hành án đã phong tỏa 25.730.840.976 đồng trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 tại B2. Chấp hành viên đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Quyết định số 22 tại trụ sở B2 vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 12/5/2020 và vào lúc 15 giờ 28 phút cùng ngày 12/5/2020, B2 đã nhận quyết định phong tỏa nêu trên.

Ngày 15/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức tiếp tục thực hiện việc xác minh trực tiếp tại B2, nhưng phía Ngân hàng không phối hợp cung cấp thông tin, không cung cấp sổ dư và sao kê tài khoản của Công ty Cổ phần H2 theo yêu cầu của Cơ quan thi hành án để thực hiện việc khấu trừ tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2.

Sau đó, để phúc đáp Công văn 519/CV-CTHA của Cơ quan thi hành án, thì tại Công văn số 841/BIDV.PY-QLRR ngày 15/5/2020, B2 tiếp tục nêu lý do là xin ý kiến chấp thuận của Hội sở chính để cố tình trì hoãn việc cung cấp thông tin cho Cơ quan thi hành án. Đến ngày 20/5/2020, tại Công văn số 873/BIDV.PY-QLRR v/v phối hợp thi hành án dân sự, B2 nêu lý do: *“Ngay khi nhận được chỉ đạo của Hội sở chính, B2 sẽ phối hợp cung cấp thông tin theo đề nghị của Q chi cục”*.

Ngày 27/5/2020, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Đ có Công văn số 1805/TTGSNH1 v/v phối hợp thi hành án dân sự đã yêu cầu B2: *“Có văn bản trả lời Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội và phối hợp chặt chẽ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức trong việc thi hành án theo đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật”*. Tuy nhiên, đến nay B2 vẫn chưa có bất kỳ văn bản phản hồi nào cho Cơ quan thi hành án dân sự về thông tin sổ dư trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2.

Như vậy, hành vi cố tình trì hoãn không cung cấp thông tin cho Cơ quan thi hành án dân sự của B2 là hành vi vi phạm pháp luật, tạo điều kiện cho người phải thi hành án tẩu tán tài sản, cụ thể là số tiền 25.730.840.976 đồng, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (Ngân hàng TMCP Đ) cho rằng trích tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 để thu nợ của B2 là không đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần H2. Căn cứ 25 Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thì việc trích tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 để thu nợ của B2 là không có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau: Trong 25 Hợp đồng tín dụng mà phía bị đơn cung cấp có 24 Hợp đồng phát hành vào các tháng 6, 7, 8/2019 đều với thời hạn vay là 11 tháng, chỉ có một Hợp đồng số 26/2017 phát hành ngày 20/10/2017 với thời hạn vay là 11 tháng.

Tại Điều 6 các Hợp đồng tín dụng nêu trên và chi tiết tại Điều 4 - Điều khoản và điều kiện vay có nội dung: *“Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi, phí) đến hạn, khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền trích tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng để thu nợ”*. Tuy nhiên, ngoại trừ Hợp đồng số 26/2017/649542/HĐTD ngày 20/10/2017 đã quá hạn trả nợ, tất cả các hợp đồng còn lại trong số 25 Hợp đồng tín dụng nêu trên đều chưa đến hạn thanh toán tại thời điểm ngày 17/01/2020 và 15/5/2020.

Tại tất cả các Giấy đề nghị thu nợ và Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng do Ngân hàng cung cấp đều thể hiện nội dung “Thu gốc”, “Số tiền gốc” và tổng số tiền B2 đã khấu trừ trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 là 23.531.198.910 đồng.

Do đó, tại thời điểm ngày 17/01/2020 và ngày 12/5/2020, khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức yêu cầu B2 cung cấp số dư để giải quyết thi hành án và ban hành Quyết định phong tỏa tài khoản số 22/QĐ-CCTHADS là đúng quy định tại Điều 67 và Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự.

Tại khoản 3 Điều 67 của Luật Thi hành án dân sự quy định: “3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này”. Ngày 12/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự ban hành Quyết định phong tỏa số 22, nhưng Ngân hàng B2 - Chi nhánh P không cung cấp số dư trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 để Cơ quan thi hành án có cơ sở ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức buộc phải ban hành Quyết định số 51/QĐ-CCTHADS ngày 22/5/2020 thu hồi Quyết định phong tỏa số 22 là để tuân thủ quy định của pháp luật. Ngoài ra, B2 đã có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều 44 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 về xác minh điều kiện thi hành án.

Đối với nội dung bị đơn cho rằng giữa B2 với Công ty Cổ phần H2 có thỏa thuận tại Hợp đồng cấp bảo lãnh số 93/2019/649542/HĐBL ngày 20/12/2019, số 96/2019/649542/HĐBL ngày 30/12/2019 và có đăng ký giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, nội dung bảo đảm chỉ dành quyền đòi nợ, chứ không ghi nội dung có quyền trích thu từ tài khoản của Công ty Cổ phần H2, nên Ngân hàng không có quyền ưu tiên. Hơn nữa, Công ty N đang có quyết định có hiệu lực để thi hành án, còn Ngân hàng chưa thực hiện quyền khởi kiện mà đã dành quyền trừ nợ là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn (Ngân hàng TMCP Đ) phải bồi thường toàn bộ số tiền 23.500.000.000 đồng. Do từ ngày 17/01/2020 đến ngày 29/7/2020, Công ty B1 tạm ứng cho Công ty Cổ phần H2 qua tài khoản của B2 với số tiền là 51.048.706.787 đồng, tức là từ ngày 17/01/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã xác minh tài khoản, nhưng phía B2 không cung cấp, mà tiếp tục thu nợ Công ty Cổ phần H2 số tiền 51.048.706.787đ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bổ sung là bị đơn phải bồi thường thêm số tiền chênh lệch là 2.230.840.796 đồng. Như vậy, tổng cộng yêu cầu bị đơn phải bồi thường 25.730.840.976 đồng (số tiền mà Công ty Cổ phần H2 còn phải thi hành án).

[2]. Bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B2) trình bày:

Công ty N cho rằng B2 trì hoãn cung cấp thông tin cho Cơ quan thi hành án, vi phạm pháp luật, cụ thể đã vi phạm các quy định tại điểm b khoản 6 Điều 44, Điều 176 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Điều 360 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tạo điều kiện cho người phải thi hành án tẩu tán tài sản gây thiệt hại nghiêm trọng, trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N, Ngân hàng TMCP Đ có ý kiến như sau:

B3 là Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo ủy quyền của B2 Hội sở chính, nên đối với mọi yêu cầu cung cấp thông tin của các cơ quan bên ngoài (bao gồm Cơ quan Thi hành án dân sự), B2 phải xin ý kiến và phải được sự đồng ý của B2 Hội sở chính. B2 chậm cung cấp thông tin là do dịch Covid-19 bùng phát tại thời điểm Cơ quan Thi hành án dân sự đề nghị cung cấp thông tin. Đây là lý do khách quan ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp thông tin của B2. Thực tế thì ngày 12/6/2020, B2 đã có Văn bản số 1007/BIDV.PY cung cấp thông tin số dư tại tài khoản 5901000000676 của Công ty Cổ phần H2 tại thời điểm 8 giờ 37 phút và 13 giờ 30 phút ngày 15/5/2020 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

Trong trường hợp B2 cung cấp ngay thông tin tài khoản của Công ty Cổ phần H2 thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức cũng không có quyền phong tỏa, trích chuyển tiền trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2:

Theo các Hợp đồng tín dụng ký giữa B2 và Công ty Cổ phần H2 đều có điều khoản quy định trong trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, B2 có quyền trích tiền trong tài khoản của khách hàng để thu hồi nợ. Như vậy, có thể hiểu rằng Công ty Cổ phần H2 và B2 đã có sự thỏa thuận về việc sử dụng số tiền trong tài khoản như một biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ. Trên thực tế, số tiền 21.000.000.000 đồng ghi có trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 vào 14 giờ 00 phút ngày 17/01/2020 (do Công ty CP B1 - M chuyển tạm ứng tiền thi công các gói thầu thuộc dự án BOT T - M) đã được B2 trích thu nợ. Do Công ty Cổ phần H2 và B2 đã có thỏa thuận về nội dung này tại Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng (tại thời điểm trích tài khoản, dư nợ của Công ty H2 đã chuyển nhóm nợ xấu) nên việc B2 trích tài khoản của Công ty Cổ phần H2 để thu nợ là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của các bên, phù hợp với thông lệ chung trong các giao dịch tín dụng.

Tại khoản 1 Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự quy định: *“Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản, nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án”*; khoản 3 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự: *“Đối với tài sản đã được cầm*

cổ, thế chấp hợp pháp mà kết quả xác minh tại thời điểm thi hành án cho thấy tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn nghĩa vụ phải thanh toán theo hợp đồng cầm cố, thế chấp thì Chấp hành viên phải thông báo bằng văn bản cho người nhận cầm cố, thế chấp biết nghĩa vụ của người phải thi hành án và yêu cầu khi thanh toán hết nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp phải thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự biết". Trong trường hợp này, do giá trị của số tiền trong tài khoản của khách hàng nhỏ hơn nghĩa vụ nợ phải trả nên Cơ quan thi hành án không có quyền kê biên, xử lý.

Tại Điều 11 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội quy định về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng: *"Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu"*. Trong trường hợp này, do khoản vay của Công ty Cổ phần H2 là nợ xấu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 42 nên Cơ quan thi hành án dân sự không có quyền kê biên, xử lý số tiền trong tài khoản của khách hàng.

Trên thực tế, sau khi ra Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS ngày 12/5/2020 v/v phong tỏa tài khoản của Công ty Cổ phần H2 mở tại B2 thì đến ngày 22/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã ra Quyết định số 51/QĐ-CCTHADS để thu hồi Quyết định phong tỏa số 22. Như vậy, có cơ sở để nhận định Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã xác định việc phong tỏa tài khoản của Công ty Cổ phần H2 là không đúng quy định của pháp luật.

Khoản tiền 25.730.840.976 đồng mà B2 thu hồi của Công ty Cổ phần H2 trong năm 2020 là do phía Công ty Cổ phần H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc + lãi, phí và các nghĩa vụ phát sinh khác từ các hợp đồng, văn bản thỏa thuận ký kết với Ngân hàng.

Ngân hàng xin cung cấp thông tin về những vi phạm nghĩa vụ của Công ty Cổ phần H2 đối với B2 tại thời điểm khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần B1 chuyển về ngày 17/01/2020, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần H2 đang có nợ xấu, nợ quá hạn, nợ phí bảo lãnh, nợ cơ cấu tại Ngân hàng:

Công ty Cổ phần H2 có nợ vay tại B2 với tổng số tiền gốc là 281,5 tỷ đồng theo 344 Hợp đồng tín dụng từ thời điểm ngày 01/9/2016 đến nay.

Tình trạng nợ của Công ty là nợ xấu có khả năng mất vốn phân vào nhóm 5 từ ngày 24/10/2019.

Tại thời điểm 17/01/2020, Công ty H2 có:

Nợ lãi quá hạn từ năm 2016, 2017, 2018, 2019 chưa thanh toán tại Ngân hàng với số tiền là: 22,4 tỷ đồng;

Nợ phí phát hành thư bảo lãnh từ năm 2017 đến 17/01/2020 là: 9,6 tỷ đồng.

Do Công ty Cổ phần H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nghĩa vụ trả nợ vay, nợ phí phát hành thư bảo lãnh tại Ngân hàng, theo quy định về nghĩa vụ của bên vay nêu tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quyền xử lý nợ nêu tại khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, thì Ngân hàng có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu tại Ngân hàng kể cả việc thu hồi nợ trước hạn.

Theo thỏa thuận giữa B2 và Công ty Cổ phần H2 tại Điều 4, 8, 9 phần điều khoản và điều kiện vay kèm theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, B2 có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ khi Công ty Cổ phần H2 vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ khác phát sinh từ một trong những Hợp đồng tín dụng cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, về biện pháp bảo đảm nghĩa vụ được bảo lãnh: Tại khoản 3 Điều 4 của các Hợp đồng cấp bảo lãnh số 93/2019/649542/HĐBL ngày 20/12/2019 (giá trị 14.800.000.000 đồng), số 96/2019/649542/HĐBL ngày 30/12/2019 (giá trị 80.981.068.797 đồng) về việc phát hành thư hoàn trả tiền tạm ứng cho Công ty B1, Công ty Cổ phần H2 và Ngân hàng đã thỏa thuận một trong các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ được bảo lãnh là: *“3. Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên được bảo lãnh tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác”*. Về quyền của Ngân hàng với tư cách là bên bảo lãnh: Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của các Hợp đồng cấp bảo lãnh quy định B2 có quyền: *“g) Tự động trích bất kỳ tài khoản nào của Bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng hoặc hệ thống B2 để thu phí, thu nợ; h) Xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ phù hợp với các cam kết theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản khác có liên quan mà các bên đã ký kết để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ”*.

Việc B2 áp dụng các biện pháp thu hồi nợ xấu của Công ty Cổ phần H2 là đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa hai bên tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp bảo lãnh đã ký, B2 chậm cung cấp thông tin đối với Cơ quan thi hành án không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, nên Ngân hàng TMCP Đ không có nghĩa vụ phải bồi thường số tiền 23.500.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu: Do từ ngày 17/01/2020 đến ngày 29/7/2020, Công ty B1 tạm ứng cho Công ty Cổ phần H2 qua tài khoản của B2 với số tiền là 51.048.706.787 đồng, tức là từ ngày 17/01/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã

xác minh tài khoản mà phía B2 không cung cấp, nhưng cứ tiếp tục thu nợ Công ty Cổ phần H2 số tiền là 51.048.706.787 đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bổ sung đòi bị đơn phải bồi thường thêm số tiền chênh lệch là 2.230.840.796 đồng; tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bồi thường 25.730.840.976 đồng, thì bị đơn không đồng ý.

[3]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

[3.1] Công ty Cổ phần H2: Công ty Cổ phần H2 có vay tiền và mở tài khoản tại B2. Đối với các hợp đồng tín dụng vay tại B2, thì Công ty Cổ phần H2 đang vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể đang phát sinh nợ xấu với nhóm nợ là nhóm 5, nợ có khả năng mất vốn. Số dư vào lúc 12 giờ 38 phút ngày 17/01/2020 trong tài khoản tại B2 là 21.001.568.937 đồng.

Ngày 11/5/2020, Công ty Cổ phần H2 không nhận được khoản tiền nào từ Cục Q2 thông qua tài khoản tại B2.

[3.2]. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức: Tại quyết định số 1179/KD/QĐ-CCTHADS ngày 19/8/2019, Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án huyện Hoài Đức cho thi hành khoản Công ty Cổ phần H2 phải có nghĩa vụ trả Công ty N số tiền gốc và lãi là 28.985.360.976 đồng.

Quyết định thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án, thời gian thanh toán từ ngày 20/6/2019 đến ngày 15/8/2019 thi hành xong khoản nợ theo quyết định thi hành án.

Tính đến ngày 11/5/2020, Công ty Cổ phần H2 đã thanh toán được cho nguyên đơn là 3.254.520.000đ, số tiền còn phải thi hành án là 25.730.840.976 đồng.

Ngày 17/01/2020 và ngày 15/5/2020, Chấp hành viên xác minh số dư tại tài khoản số 59010000000676 của Công ty Cổ phần H2 tại B2, nhưng B2 từ chối cung cấp và sau đó có Văn bản số 873/BIDV.PY-QLRR ngày 20/05/2020 và Văn bản số 1007 B2.PV-QLRR ngày 12/6/2020 trả lời với nội dung không có căn cứ pháp luật để thực hiện cung cấp số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2 cho Chấp hành viên.

Chi cục Thi hành án đã có Văn bản số 483/CCTHADS ngày 27/4/2020 đề nghị Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng N2 thuộc Ngân hàng Đ chỉ đạo B2 cung cấp số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2 mở tại B2 theo yêu cầu của Chấp hành viên. Ngày 27/5/2020, Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng N2 có Văn bản số 1805/TTGSNH1 gửi B2 yêu cầu trả lời Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức và phối hợp chặt chẽ với Chi cục thi hành án trong việc thi hành án theo đúng thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Chấp hành viên đã ra Quyết định phong tỏa tài khoản số 22/QĐ-CCTHADS ngày 12/5/2020, nhưng do B2 không cung cấp số dư tài khoản vào thời điểm xác

minh ngày 15/5/2020, nên Chấp hành viên không có căn cứ để ra Quyết định khấu trừ trong tài khoản. Do đó, đã Chi cục đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-CCTHADS ngày 22/5/2020 thu hồi toàn bộ quyết định phong tỏa tài khoản theo quy định tại Điều 67 của Luật Thi hành án dân sự.

[3.3]. Công ty CP B1 - M:

Công ty ký kết với Công ty Cổ phần H2 các hợp đồng: Hợp đồng thi công xây dựng số 29/2018/HĐXL/BOT-TLMT ngày 12/9/2018 Gói thầu XL-08: Xây dựng đoạn tuyến Km 56 + 672,06 - Km 59 + 000 và các cầu: Kênh 2A, Kênh X và phụ lục hợp đồng kèm theo (“Hợp đồng số 30”); Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 30/2018/HĐXL/BOT-TLMT ngày 25/9/2018 Gói thầu XL-09 Xây dựng đoạn tuyến Km 59 + 000 - Km 62 + 618 và cầu Ấ, K giữa, Sao và các phụ lục hợp đồng kèm theo (“Hợp đồng số 30”).

Sau khi ký kết hợp đồng, phục lục hợp đồng Công ty đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần H2 tổng số tiền là 96.015.515.730 đồng. Trong đó, tạm ứng trong khoảng thời gian từ ngày 17/01/2020 đến ngày 29/7/2020 qua tài khoản của B2 với số tiền là 51.048.706.787 đồng.

Các khoản tiền do Công ty chuyển vào tài khoản của Công ty Cổ phần H2 tại B2 vào các thời gian khác nhau và ngày 17/01/2020 là tiền Công ty tạm ứng cho Công ty Cổ phần H2 để thực hiện hợp đồng đã ký kết. Đối với vụ án nêu trên, Công ty B1 không yêu cầu gì.

Nội dung vụ án như trên, Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 18/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quyết định:

Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH N1 tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2020 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/01/2023 về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 25.730.840.000 đồng (hai mươi lăm tỷ bảy trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/4/2023, nguyên đơn là Công ty TNHH N1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 115/2023/DS-PT ngày 27/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Ngày 30/01/2024, Công ty TNHH N1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 20/2024/KN-DS ngày 27/6/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 115/2023/DS-PT ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, đề nghị: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà; giao hồ sơ vụ án cho nhân dân thành phố T để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 13/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ghi nhận: Công ty Cổ phần H2 còn nợ Công ty N số tiền 28.985.360.976 đồng, thời hạn trả nợ từ ngày 20/6/2019 đến ngày 15/8/2019. Quá trình thi hành án, ngày 11/5/2020, Công ty Cổ phần H2 đã thanh toán 3.254.520.000 đồng, số tiền còn lại phải thi hành án là 25.730.840.976 đồng. Ngày 19/8/2019, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức đã ban hành Quyết định thi hành án số 1179KD/QĐ-CCTHADS đối với người bị thi hành án là Công ty Cổ phần H2; đồng thời, Chi cục gửi Công văn yêu cầu B2 cung cấp thông tin số dư tài khoản số 59010000000676 của Công ty Cổ phần H2 mở tại B2 theo Biên bản xác minh ngày 17/01/2020.

[2]. Ngày 12/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức ban hành Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản số 22/QĐ-CCTHADS, với nội dung phong tỏa số tiền 25.000.000.000 đồng (tròn số) trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 (Văn thư B2 nhận tổng đạt trực tiếp cùng ngày). Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, vào các ngày 13 và 14/5/2020, tài khoản của Công ty Cổ phần H2 có tiền chuyển đến, nhưng B2 không chấp hành quyết định phong tỏa. Đến ngày 15/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức tổng đạt trực tiếp quyết định phong tỏa nêu trên cho ông Nguyễn Đại H1 - Phó Giám đốc B2 - Chi nhánh P và tiếp tục yêu cầu B2 cung cấp số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2, nhưng

ông H1 trả lời chờ ý kiến của Hội sở và khẳng định sẽ trả lời bằng văn bản cho Chi cục Thi hành án, nhưng sau đó B2 không thực hiện, mà cho rằng số tiền có tại tài khoản nêu trên là tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng và bảo lãnh của Công ty Cổ phần H2 tại B2.

[3]. Ngày 25/5/2020, Hội sở ban hành Công văn số 2635/CV chấp thuận việc cung cấp thông tin tài khoản của Công ty Cổ phần H2, nhưng đến ngày 12/6/2020 B2 mới có văn bản cung cấp số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2 và tiếp tục cho rằng đây là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ vay, bảo lãnh của Công ty Cổ phần H2 trong khi chưa có căn cứ xác định các khoản tiền này có phải là tài sản bảo đảm như B2 nêu không.

[4]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định B2 đã chậm trễ trong việc xin ý kiến Hội sở đối với yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản Công ty Cổ phần H2 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội là vi phạm quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BTP-BTC-BLĐT BXH-NHNNVN ngày 14/01/2014; vi phạm quy định tại Điều 176 của Luật Thi hành án dân sự khi không chấp hành Quyết định phong tỏa số 22/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; đồng thời, ngoài việc chậm cung cấp thông tin, B2 còn liên tục nhiều lần trích thu nợ trong tài khoản của Công ty Cổ phần H2 khi đã biết có quyết định phong tỏa của Cơ quan Thi hành án, dẫn đến Công ty Cổ phần H2 không còn điều kiện để thi hành án cho Công ty N là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án, B2 trình bày giữa Công ty Cổ phần H2 và B2 có 344 Hợp đồng tín dụng và hiện nay Công ty Cổ phần H2 đang nợ số tiền gốc là 281,5 tỷ đồng từ thời điểm ngày 01/9/2016 đến nay. Mặc dù, B2 không nêu cụ thể số tiền nợ của từng hợp đồng để làm căn cứ xác định những hợp đồng tín dụng nào thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội quy định về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không thẩm tra, xác minh để làm rõ nội dung này, mà đã khẳng định các hợp đồng tín dụng mà B2 cung cấp đủ điều kiện được áp dụng Nghị quyết số 42/2017/QH14 là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ trách nhiệm của B2 trong việc chậm cung cấp thông tin, không chấp hành quyết định phong tỏa của Cơ quan thi hành án? chưa xác minh số dư tài khoản của Công ty Cổ phần H2 có phải tài sản đảm bảo, bảo lãnh như B2 trình bày không? chưa làm rõ các khoản nợ của Công ty Cổ phần H2 tại B2 có phải nợ xấu không? mà đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với B2 là chưa giải quyết triệt để vụ án; ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N.

Để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, cần hủy bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà để làm rõ các nội dung như đã nêu trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2024/KN-DS ngày 27/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/2024/KN-DS ngày 27/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 115/2023/DS-PT ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà; giao hồ sơ vụ án cho nhân dân thành phố T để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (để biết);
- TAND thành phố Tuy Hoà (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hoà (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường

